

Bản án số: 06/2022/HSST
Ngày: 13-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐT, TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nam và ông Nguyễn Văn Giới

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 136/2021/HSST ngày 03 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Nh**, tên gọi khác: không; sinh ngày 05/05/1973, tại thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: khu TT, phường HT, thành phố CL, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Nguyễn Thị Nh; chồng: Trịnh Ngọc K, sinh năm 1973; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Chưa có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

+ Chị Trịnh Thị K1; sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu TT, phường HT, thành phố CL, tỉnh Hải Dương. Có mặt

+ Anh Trịnh Ngọc K; sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu TT, phường HT, thành phố CL, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người làm chứng:***

+ Anh Vũ Văn Ch; sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn ĐM, xã AS, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

+ Chị Trịnh Thị Tuyên; sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn ĐM, xã AS, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

+ Chị Nguyễn Thanh Huyền; sinh năm 1973; nơi cư trú: Khu YL1, phường ĐC, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/01/2018, bà Trịnh Thị K1 được Ủy ban nhân dân thị xã ĐT, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, với diện tích 1,336,7m² là đất trồng cây lâu năm (*Nhận thừa kế quyền sử dụng đất của ông Vũ Văn H năm 2017*) tại thửa đất số 46 (bốn mươi sáu), tờ bản đồ số 04 (bốn), địa chỉ tại thôn DD, xã BD, thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số: CK 140096). Quá trình quản lý, sử dụng đến năm 2019, bà K đặt vấn đề nhờ Nguyễn Thị Nh và ông Trịnh Ngọc K (là vợ chồng, đồng thời là anh trai và chị dâu của bà K1) đứng ra làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 1.336,7m² đất từ bà K1 sang cho Nh và ông K nhằm mục đích không để anh Vũ Đình Ngh (con trai bà K1) lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của bà K1 mang đi cầm cố, thế chấp để vay tiền tiêu sài cá nhân, thì Nh và ông K đồng ý. Vì vậy, ngày 30/01/2019, Nh cùng với bà K1 và ông Kiên đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Ủy ban nhân dân thị xã ĐT làm thủ tục chuyển nhượng như thỏa thuận. Tuy nhiên, Nh sợ anh Nghiệp biết được nội dung thỏa thuận trên thì sẽ đến nhà tìm gặp, đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 140096 cấp ngày 08/01/2018 nên khoảng tháng 6/2019, tại nhà bà Nguyễn Thị Nh1, sinh năm 1955 (*mẹ đẻ của Nh*) ở khu XV 4, phường XS, thị xã ĐT, Nh sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, vào mạng xã hội Facebook liên lạc với 01 (một) người không quen biết, qua trao đổi thì biết người này có thể làm giả được giấy tờ của cơ quan nhà nước, nên Nh thỏa thuận và thuê người này làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với giá 800.000đ (tám trăm nghìn đồng), đồng thời thống nhất khi nào nhận giấy thì thanh toán tiền, người này đồng ý. Sau đó, Nh cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu theo đúng nội dung trong giấy chứng nhận số CK 140096 do Ủy ban nhân dân thị xã ĐT cấp ngày 08/01/2018 cho người này. Khoảng 02 (hai) tuần sau khi đặt làm, Nh nhận được giấy chứng nhận (giả) thông qua 01 (một) người của dịch vụ chuyển phát nhanh Viettel giao tại nhà. Nhận xong, Nh trả 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) cho người này và cầm 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (được bọc trong túi nilon) có đặc điểm cơ bản giống Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thật) nhưng ở phần “*Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý*” của Giấy chứng nhận (giả) không ghi nội dung thay đổi gì (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thật) do Ủy ban nhân dân thị xã ĐT cấp số CK 140096 thì ở phần “*Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý*” ghi: *Chuyển nhượng cho ông Trịnh Ngọc Kiên, số CCCD 030073000447, cùng vợ là bà Nguyễn Thị Nh số CCCD: 022173000688, địa chỉ thôn TT, xã HT, thị xã CL, tỉnh Hải Dương theo hồ sơ số 2794*).

Khoảng tháng 10/2020, Nh cầm 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên đến nhà ông Vũ Văn Ch, sinh năm 1974 và bà Trịnh Thị T, sinh năm 1978 (là em gái và em rể bà K1) ở Thôn ĐM, xã AS, thị xã ĐT. Tại đây, Nh giao lại cho bà Kiên 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rồi nói với bà K, ông Ch và bà T về việc: “ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được bọc trong túi nilon là giả và dặn bà Kiên không được mang đi cầm cố, thế chấp”. Sau khi nhận, bà K1 đem về nhà cất giữ trong tủ tại phòng khách của gia đình.

Tháng 11/2020 (không nhớ rõ ngày), bà K1 đem theo 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Nh đưa trước đó đến Trung tâm hành chính công thị xã ĐT để hỏi về việc bà K1 đã nộp phí chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất thổ cư, nhưng trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn ghi là "Đất trồng cây lâu năm (CLN)". Sau khi tiếp nhận giấy tờ và đề nghị giải thích, làm rõ của bà K1, chị Nguyễn Thanh H (cán bộ văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng tài nguyên và môi trường thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh) phát hiện ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bọc trong túi nilon có dấu hiệu làm giả, nên đã giữ lại báo cáo lãnh đạo. Ngày 29/3/2021, Trung tâm hành chính công thị xã ĐT đã chuyển thông tin, tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã ĐT để giải quyết.

Tại bản Kết luận giám định số 1286/KLGD ngày 12/7/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi "số CK 140096; Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Bà: Trịnh Thị K1, Sinh năm:1973, CCCD số: 030173003233" cần giám định ký hiệu A01 là giấy chứng nhận giả. Phương pháp làm giả: Giả chữ ký, hình dấu và mẫu in.

Chữ ký mang tên "Nguyễn Văn Ng" trong tài liệu cần giám định ký hiệu A02 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi "số CK 140096; Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Bà: Trịnh Thị K1, Sinh năm:1973, CMND số: 100965518) so với chữ ký mang tên "Nguyễn Văn Ng" trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M01 (Công văn số 1847/UBND "V/v cung cấp mẫu chữ ký, mẫu con dấu, mẫu dấu tên (thời điểm tháng 01/2018)", đề ngày 09/6/2021) là do cùng một người ký ra.

Hình dấu "Ủy ban nhân dân thị xã ĐT T. Quảng Ninh" trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A02 so với hình dấu cùng nội dung trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M01 không phải do cùng một con dấu đóng ra.

Tại bản Kết luận giám định số 1424/KLGD ngày 06/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Hình dấu "Ủy ban nhân dân thị xã ĐT T. Quảng Ninh" trong tài liệu cần giám định ký hiệu A01 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi "số CK 140096; Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Bà: Trịnh Thị K1, Sinh năm: 1973, CCCD số: 030173003233) số 1268 năm 2021 so với hình dấu cùng nội dung trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M01 đến M05 (04 (bốn) Kế hoạch ghi của UBND thị xã ĐT gồm các Kế hoạch: Số 229/KH-UBND, ngày 14/11/2018 (ký hiệu M01); Số 230/KH-UBND, ngày 12/11/2018 (ký hiệu M02); Số 231/KH-UBND, ngày 14/11/2018 (ký hiệu M03); Số 232/KH-UBND, ngày 14/11/2018 (ký hiệu M04) và 01 (một) "Phương án - Kế hoạch Bán đấu giá quyền sử dụng đất" Số 231/PA-KH-UBND ghi UBND thị xã ĐT, đề ngày 15/11/2018 (ký hiệu M05)) không phải do cùng một con dấu đóng ra. Hình dấu "Ủy ban nhân dân thị xã ĐT T. Quảng Ninh" trong tài liệu cần giám định ký hiệu A02 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi "số CK 140096; Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Bà: Trịnh Thị K1, Sinh năm:1973, CMND số: 100965518) số 1268 năm 2021 so với

hình dấu cùng nội dung trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M01 đến M04 là do cùng một con dấu đóng ra.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Nh khai nhận toàn bộ nội dung vụ án giống như bản cáo trạng truy tố.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị K1 có lời khai: Do con trai chị trước đây thường xuyên chơi cờ, vay nợ ngoài xã hội nên chị nhờ vợ chồng bị cáo Nh đứng tên trên sổ đỏ (trên danh nghĩa chị đã chuyển nhượng) để con chị không đem đi cầm vay tiền được. Việc chuyển nhượng được thực hiện theo đúng quy định. Sau một thời gian, khi chị cần vay tiền ngân hàng thì chị có yêu cầu bị cáo trả cho chị. Khoảng tháng 10/2020, Nh cầm 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên đến nhà ông Vũ Văn Ch và bà Trịnh Thị T (là em gái và em rể chị) và giao lại cho chị. Đầu tháng 11, chị cầm 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Nh đưa trước đó đến Trung tâm hành chính công thị xã ĐT thì bị giữ lại và sau này chị biết một trong hai giấy tờ đó là giả. Việc bị cáo Nh làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của chị, chị không biết và cũng không liên quan. Chị yêu cầu bị cáo Nh và anh Kiên chuyển lại tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị, vì đó là tài sản của chị.

Tại Cáo trạng số: 140/CT - VKS - ĐT ngày 30 - 11 - 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã ĐT truy tố bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã ĐT tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo bản Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- + Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- + Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Nh và ông Trịnh Ngọc K 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi "số CK 140096", tại phần “Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý” ghi: Chuyển nhượng cho ông Trịnh Ngọc Kiên, số CCCD 030073000447, cùng vợ là bà Nguyễn Thị Nh số CCCD: 022173000688, địa chỉ thôn TT, xã HT, thị xã CL, tỉnh Hải Dương theo hồ sơ số 2794.

- Lưu kèm trong hồ sơ:

- + 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi "số CK 140096" tại phần “Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý” không ghi nội dung gì. Bên ngoài giấy chứng nhận được bọc nilon màu trắng.

- + 01 (một) đĩa DVD có chứa nội dung hình ảnh bị can Nh thực nghiệm lại hành vi sử dụng điện thoại di động smartphone để nhờ người làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an thị xã ĐT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT, kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các tài liệu, chứng cứ cũng như hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc định tội đối với bị cáo:

Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, với Biên bản thực nghiệm điều tra do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã ĐT, lập hồi 14 giờ 00 phút ngày 11/11/2021 với Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 06 năm 2019, tại nhà bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1955 (*mẹ đẻ của Nh*) ở khu XV 4, phường XS, thị xã ĐT, Nguyễn Thị Nh có hành vi cung cấp thông tin, dữ liệu để đặt 01 (một) người không quen biết qua mạng xã hội Facebook làm giả 01 (một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” có hình chữ ký và đóng dấu của Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã ĐT, tỉnh Quảng Ninh. Sau đó, Nh đưa lại cho bà Trịnh Thị K1, nhằm mục đích không để anh Vũ Đình Ngh cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (thật) của gia đình đi cầm cố, thế chấp thì bị Công an phát hiện, thu giữ.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐT truy tố và kết luận về hành vi phạm tội đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bị cáo là người trưởng thành, bản thân bị cáo nhận thức rõ là việc đặt mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là vi phạm pháp luật, xâm phạm hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước và của công dân. Tuy nhiên, bị cáo vẫn thực hiện đặt mua để nhằm phục vụ cho mục đích cá nhân của mình, thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình gây ra.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào nhân thân, hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục, cải tạo để giúp bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi "số CK 140096" tại phần "Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý" không ghi nội dung gì. Bên ngoài giấy chứng nhận được bọc nilon màu trắng là giấy tờ giả do Nh đặt trên mạng, hoàn lại sau giám định, cần lưu trong hồ sơ vụ án.

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi "số CK 140096", tại phần "Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý" ghi: Chuyển nhượng cho ông Trịnh Ngọc Kiêm, số CCCD 030073000447, cùng vợ là bà Nguyễn Thị Nh số CCCD: 022173000688, địa chỉ thôn TT, xã HT, thị xã CL, tỉnh Hải Dương theo hồ sơ số 2794, được Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất thuộc Phòng tài nguyên và môi trường thị xã ĐT xác nhận nội dung thay đổi ngày 30/01/2019 cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Nh và ông Trịnh Ngọc Kiêm.

- 01 (một) đĩa DVD có chứa nội dung hình ảnh bị cáo Nh thực nghiệm lại hành vi sử dụng điện thoại di động smartphone để nhờ người làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, là tài liệu cần lưu trong hồ sơ vụ án.

[6] Những tình tiết khác trong vụ án:

Người làm và bán cho Nguyễn Thị Nh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả như Nh khai qua xác minh không làm rõ được lai lịch, địa chỉ. Nên không đủ căn cứ để xử lý.

Đối với việc bà Trịnh Thị K1 khai có đưa cho Nguyễn Thị Nh 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), để Nh giúp bà Kiêm chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với diện tích 1,336,7m² từ đất trồng cây lâu năm sang đất thổ cư. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định đây là số tiền mà bà Kiêm gửi Nh cất giữ hộ. Ngày 14/4/2021 và ngày 26/11/2021 Nh đã tự nguyện nộp cho Cơ quan điều tra số tiền trên, đến ngày 29/11/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Kiêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với yêu cầu của bà K1 buộc bị cáo Nh và ông K chuyển nhượng lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

mà bà đã chuyển nhượng cho Nh và ông K về lại tên bà. Xét thấy, yêu cầu của bà Kiềm không liên quan đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Nh phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Nh 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 13 tháng 01 năm 2022).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Nh cho Ủy ban nhân dân phường HT, thành phố CL, tỉnh Hải Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nh có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường HT, thành phố CL, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 104; điểm a khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Nh và ông Trịnh Ngọc K 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi "số CK 140096", tại phần “Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý” ghi: Chuyển nhượng cho ông Trịnh Ngọc Kiềm, số CCCD 030073000447, cùng vợ là bà Nguyễn Thị Nh số CCCD: 022173000688, địa chỉ thôn TT, xã HT, thị xã CL, tỉnh Hải Dương theo hồ sơ số 2794.

- Lưu kèm trong hồ sơ:

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ghi "số CK 140096" tại phần “Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý” không ghi nội dung gì. Bên ngoài giấy chứng nhận được bọc nilon màu trắng.

+ 01 (một) đĩa DVD có chứa nội dung hình ảnh bị cáo Nh thực nghiệm lại hành vi sử dụng điện thoại di động smartphone để nhờ người làm giả 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

3. Về xử lý biện pháp ngăn chặn: Điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” số 72A/2021/HSST - LCĐKNCT ngày 16/12/2021 và “Tạm hoãn xuất cảnh” số 27A/2021/QĐ - THXC

ngày 16/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã ĐT đối với bị cáo Nguyễn Thị Nh kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Thị Nh phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Ngọc K (vắng mặt tại phiên tòa) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thị xã ĐT;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra Công an thị xã Đông Triều;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Đông Triều;
- Chi cục THA DS Thị xã ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Thị Như Quỳnh

